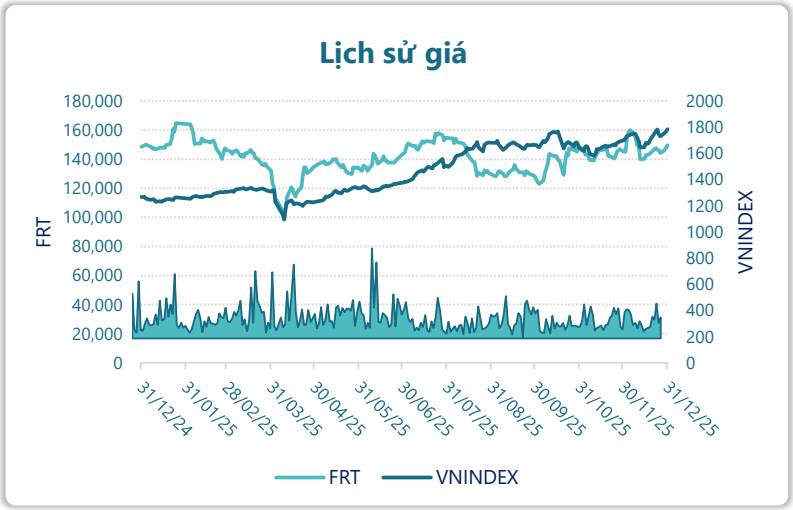
FireAnt

CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (HSX: FRT)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**149,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	164,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	99,280
SL cổ phiếu LH	170,301,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)	736,206
% sở hữu nước ngoài	32.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	25,460
P/E	32.0
EPS	4,667

DT thuần

Q4/25

14,913

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,803| 13.8%

YoY: ▲ 3,465| 30.3%

LN sau thuế

Q4/25

348

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 82.0| 31.0%

YoY: ▲ 214| 160%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.1%

+/- YoY: ▲ 1.2%

DT thuần

2025

51,083

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10,979| 27.4%

LN sau thuế

2025

984

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 576| 141%

ROE

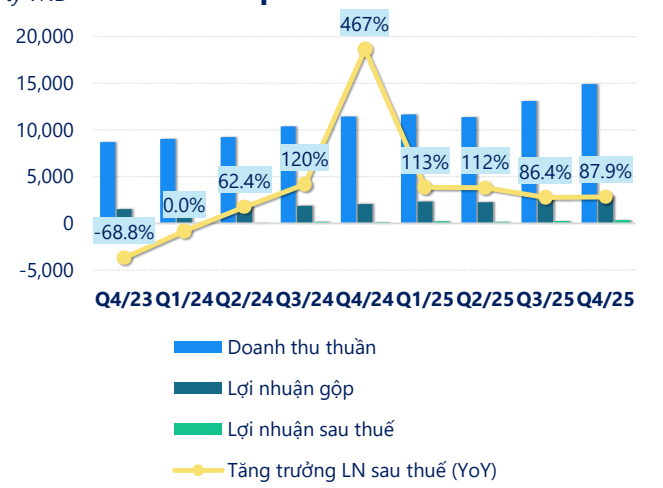
2025

21.9%

+/- YoY: ▲ 5.4%

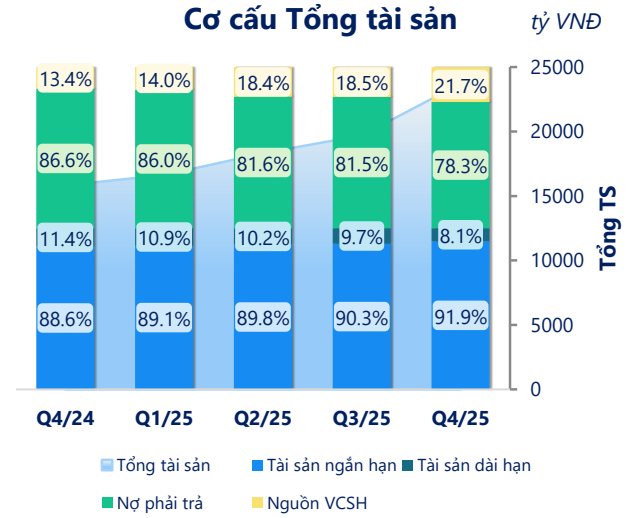
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



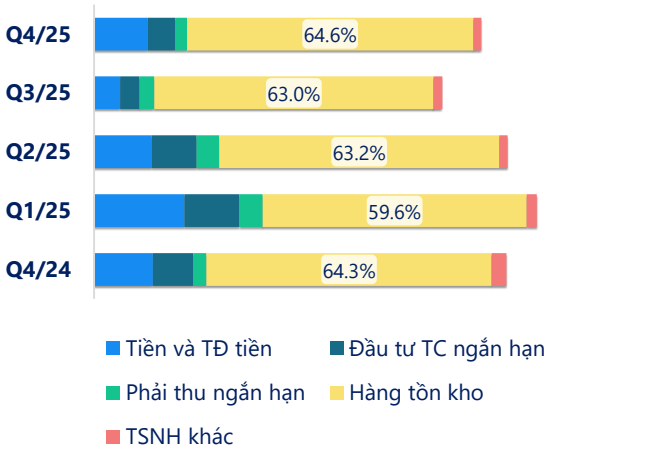
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



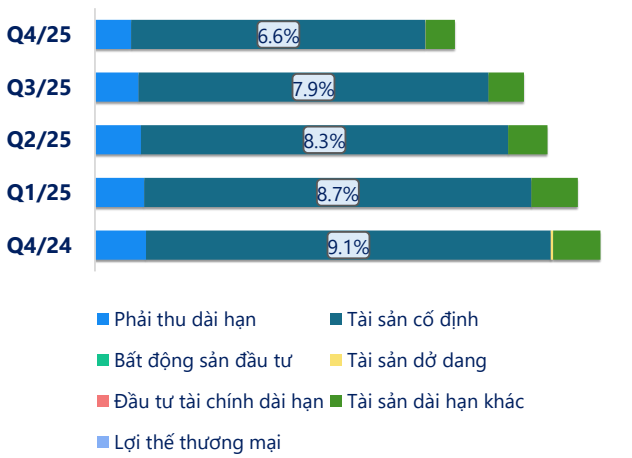
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



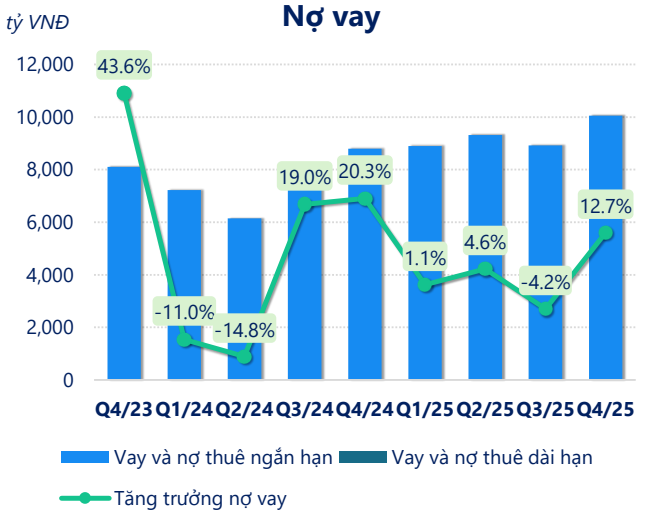
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



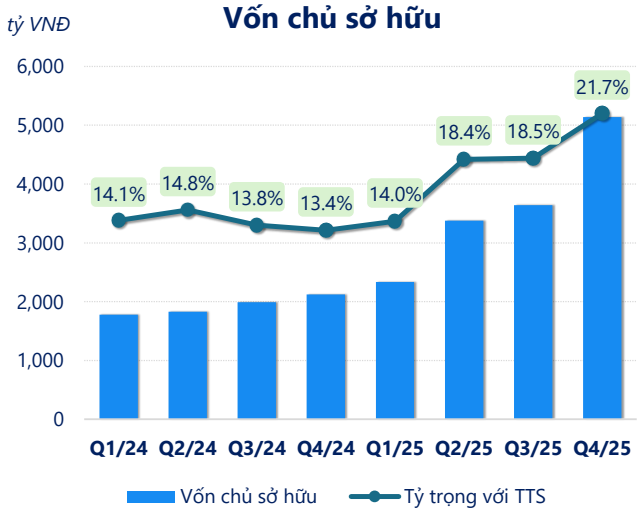
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



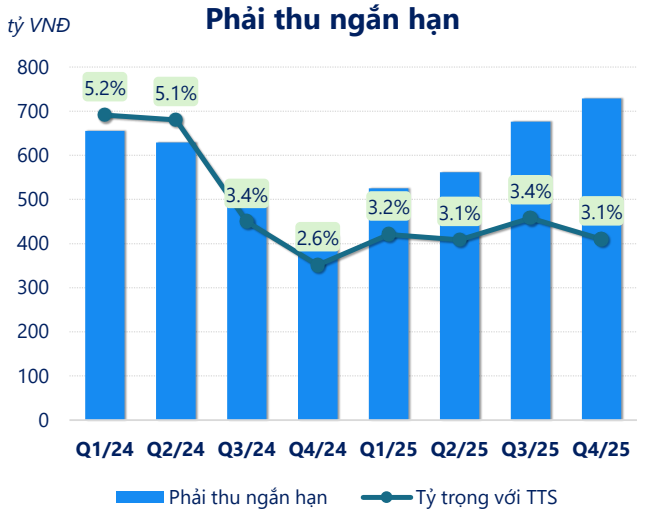
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



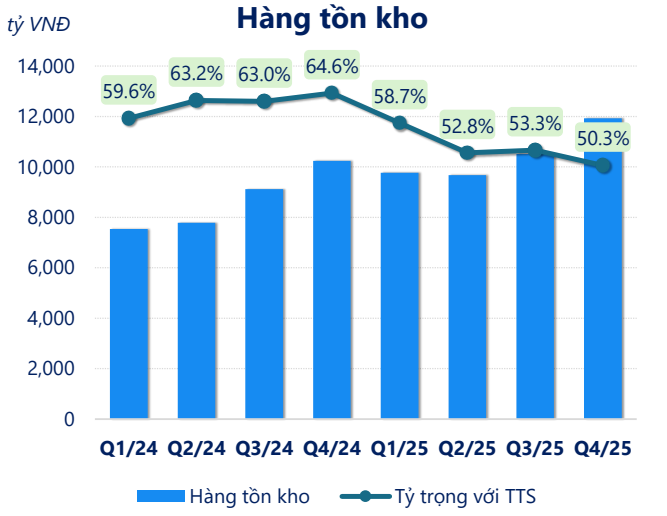
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



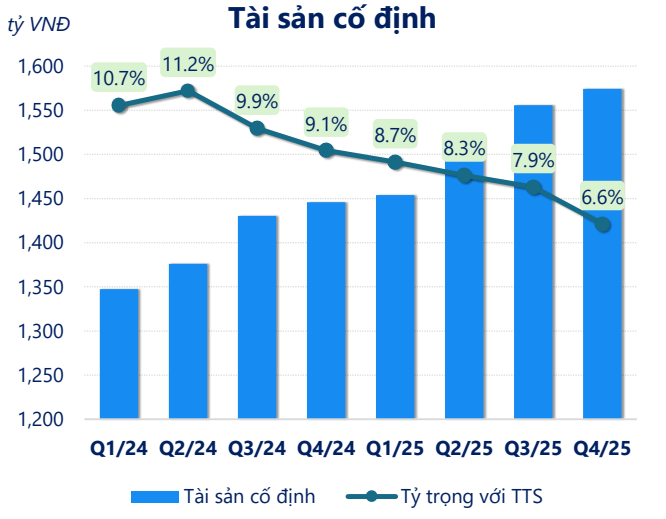
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



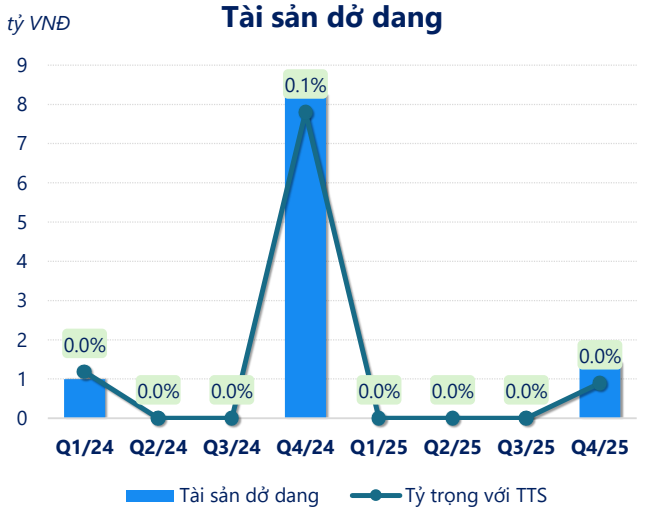
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



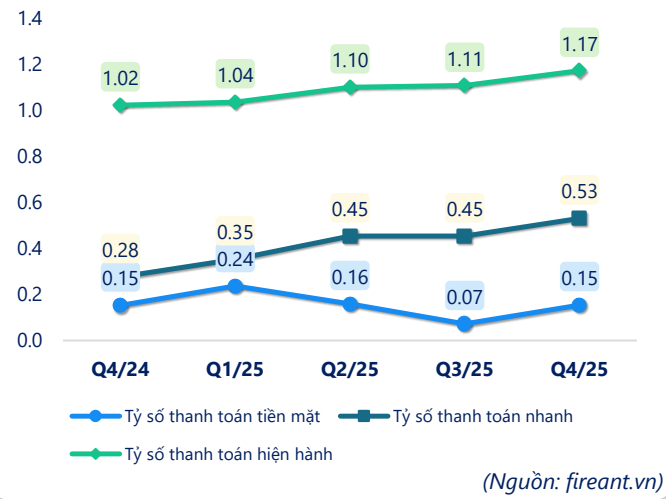
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



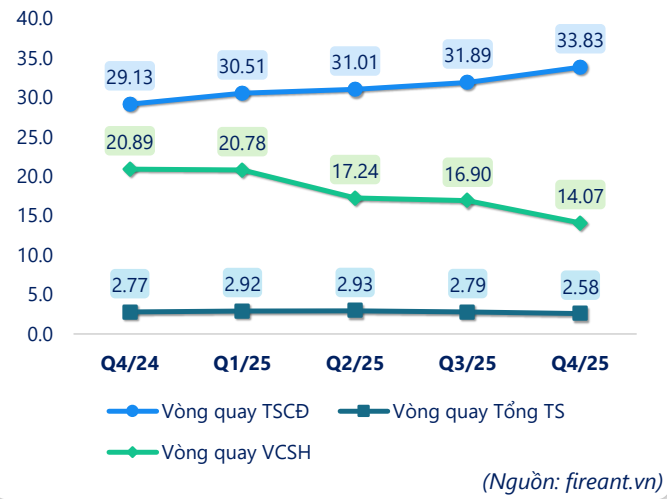
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**15,833**	**16,636**	**18,327**	**19,702**	**23,714**
Tài sản ngắn hạn	**14,026**	**14,824**	**16,455**	**17,794**	**21,787**
Tiền và tương đương tiền	2,098	3,391	2,382	1,162	2,870
Đầu tư tài chính ngắn hạn	986	881	3,570	5,188	5,929
Phải thu ngắn hạn	417	525	562	676	729
Hàng tồn kho	10,235	9,766	9,676	10,509	11,927
Tài sản ngắn hạn khác	291	261	265	258	333
Tài sản dài hạn	**1,806**	**1,812**	**1,872**	**1,908**	**1,927**
Phải thu dài hạn	183	185	190	194	194
Tài sản cố định	1,446	1,454	1,519	1,556	1,574
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	8.23	0	0	0	1.41
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	169	174	163	158	157
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**13,713**	**14,304**	**14,950**	**16,059**	**18,575**
Nợ ngắn hạn	**13,712**	**14,303**	**14,949**	**16,058**	**18,574**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8,800	8,899	9,313	8,919	10,052
Phải trả người bán ngắn hạn	3,202	3,891	3,815	4,944	5,996
Nợ dài hạn	0.55	0.55	0.55	0.54	0.69
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,120**	**2,333**	**3,377**	**3,643**	**5,139**
Vốn chủ sở hữu	**2,120**	**2,333**	**3,377**	**3,643**	**5,139**
Vốn điều lệ	1,362	1,362	1,362	1,703	1,703
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)